TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ** TỈNH ĐIỆN BIÊN	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc**
SỐ: 27/2022/QĐST-HNGĐ	*Điện Biên, ngày 22 tháng 02 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 61/2022/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2022, giữa:

Nguyên đơn: Chị Quàng Thị M - Sinh năm: 1995

Địa chỉ: Thôn H 7, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên

Bị đơn: Anh Trần Văn S - Sinh năm: 1985

Địa chỉ: Thôn H 7, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 55, 58 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 14 tháng 02 năm 2022.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 14 tháng 02 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Chị Quàng Thị M và anh Trần Văn S

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về quan hệ hôn nhân: Chị Quàng Thị M và anh Trần Văn S thuận tình ly hôn.

2.2 Về con chung, con riêng: Chị M được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung cháu Trần Đức P, sinh ngày 17/4/2021 cho đến khi cháu thành niên và có đủ khả năng lao động. Anh S được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con riêng cháu Trần Đức D sinh ngày 17/8/2011 cho đến khi cháu thành niên và có đủ khả năng lao động. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung, con riêng.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ đi lại, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên đương sự Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung.

2.3 Về quan hệ tài sản:Tài sản riêng; Tài sản chung: Nợ phải trả; Nợ lấy về; Diện tích ruộng nương: Chị M và anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4 Về án phí: Căn cứ Khoản 3, Khoản 4 Điều 147/BLTTDS; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14. Anh S và chị M mỗi người phải chịu 75.000 đ án phí DSST. Nhưng chị M tự nguyện chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 150.000đ. Được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí DSST đã nộp theo biên lai số: 0004877 ngày 05 tháng 01 năm 2022 của chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Chị M đã nộp đủ án phí DSST và được trả lại số tiền 150.000đ.

3. Quyết định này có hiệu lực ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Điện Biên;*
- *Chi cục THA dân sự H. Đ;*
- *VKSND H.Đ;*
- *UBND xã T;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ*

THẨM PHÁN

Bạc Thị Liên